

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 870/STNMT-CCBVMT ngày 28/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 483/BQLDA-DA1 ngày 12/4/2023 của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 428/TTr-STNMT ngày 24/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Ghềnh Ráng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
QUY HÒA, PHƯỜNG GHÈNH RÁNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa.
- Địa điểm thực hiện: phường Ghènh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư các hạng mục giao thông, thoát nước mưa, cấp nước và điện chiếu sáng trên các tuyến đường ĐS1, ĐS1B, ĐS1C, ĐS2, Đại lộ Khoa học (đoạn từ QL1D đến đường ĐS1) với tổng diện tích dự án khoảng 3,64 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

a. Hệ thống giao thông:

- Đường Đại lộ khoa học: đầu tư phần mở rộng mặt đường cho các đoạn:
 - + Đoạn từ Quốc lộ 1D đến đường ĐS1: xây dựng mở rộng mặt đường hiện trạng từ 11 m lên 15 m và vỉa hè mỗi bên 6 m để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Mặt cắt ngang tuyến đường hoàn thiện: $B = 6\text{ m} + 15\text{ m} + 6\text{ m} = 27\text{ m}$. Tổng chiều dài $L = 360\text{ m}$.
 - + Đoạn tiếp theo ra biển: giữ nguyên nền mặt đường hiện trạng $B_m = 11\text{ m}$.
- Đối với đường ĐS1 và ĐS2 thuộc dự án của Ban Quản lý dự án Giao thông làm Chủ đầu tư: Chỉ thực hiện mở rộng nền đường để thi công hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:
 - + Đường ĐS1 (đoạn từ đường ĐS3 đến đường Đại lộ khoa học): có chiều dài $L = 900,6\text{ m}$, đầu tư mở rộng nền đường và xây dựng vỉa hè mỗi bên 6 m để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Mặt cắt ngang tuyến đường hoàn thiện: $B = 6\text{ m} + 15\text{ m} + 6\text{ m} = 27\text{ m}$.
 - + Đường ĐS2: có chiều dài $L = 744\text{ m}$, đầu tư mở rộng nền đường và xây dựng phần vỉa hè mỗi bên 6 m theo đúng lộ giới quy hoạch để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Mặt cắt ngang tuyến đường hoàn thiện: $B = 6\text{ m} + 12\text{ m} + 6\text{ m} = 24\text{ m}$.
- Đối với Đường ĐS1B và ĐS1C thuộc dự án của Ban Quản lý dự án Dân

dụng và Công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: chỉ thực hiện mở rộng nền đường để thi công hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

+ Đường ĐS1B: có chiều dài $L = 876,19$ m, đầu tư mở rộng nền đường và xây dựng phần vỉa hè mỗi bên 5 m để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Mặt cắt ngang tuyến đường hoàn thiện: $B = 5 \text{ m} + 15 \text{ m} + 5 \text{ m} = 25 \text{ m}$.

+ Đường ĐS1C: có chiều dài $L = 596,73$ m, đầu tư mở rộng nền đường và xây dựng phần vỉa hè mỗi bên 5 m để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Mặt cắt ngang tuyến đường hoàn thiện: $B = 5 \text{ m} + 12 \text{ m} + 5 \text{ m} = 22 \text{ m}$.

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa.
- Xây dựng bó vỉa, vỉa hè và đầu tư trồng cây xanh vỉa hè.
- Đầu tư xây dựng hệ thống hào kỹ thuật để đi ngầm cáp điện và thông tin liên lạc.

b. Hệ thống thoát nước mưa

- Tuyến mương số 1 (Mương hở): gia cố tuyến mương hở phía Đông đường ĐS1B (đoạn từ hạ lưu cầu Dốc Mít trên đường ĐS1B đến cống bản $3\text{m} \times 6\text{m}$ đường Đại lộ khoa học), chiều dài mương $L = 752,31$ m.

- Tuyến cống số 1: đầu tư xây dựng tuyến cống thoát nước bằng cống hộp và cống tròn có đường kính $D600\text{mm} - D1000\text{mm}$ dọc tuyến đường ĐS1.

- Tuyến cống số 2: đầu tư xây dựng tuyến cống thoát nước bằng cống hộp và cống tròn có kích thước $D600\text{mm} - D1000\text{mm}$ dọc tuyến đường ĐS2.

- Tuyến cống số 3, số 4 và số 5: xây dựng các tuyến cống tròn từ có đường kính $D800\text{mm} - D1200\text{mm}$ để thu nước mưa mặt đường cho các tuyến đường ĐS1B, ĐS1C và Đại lộ khoa học.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

a. Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy.

- Đối với đường ĐS1B, ĐS1C hệ thống cấp nước sinh hoạt đã được đầu tư.

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt kết hợp cấp nước phòng cháy chữa cháy bằng ống HDPE cho các tuyến đường còn lại. Lắp đặt khoảng 12 trụ cứu hỏa có đường kính $DN100\text{mm}$.

b. Cấp điện và chiếu sáng

- Đối với đường ĐS1B, ĐS1C hệ thống điện chiếu sáng đã được đầu tư.
- Các tuyến đường còn lại được đầu tư hệ thống điện chiếu sáng, toàn bộ hệ thống dây được đi ngầm.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công, xây dựng: bãi

chứa nguyên vật liệu diện tích khoảng 200 m², bãi lưu chứa đất thải tạm có diện tích khoảng 10.000 m², lán trại tạm.

1.3.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng: 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1,255 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành: có khả năng ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh Dự án, gây nguy cơ ngập úng cục bộ tại khu vực dân cư phía Tây Dự án với Quốc lộ 1D và khu vực giữa đường ĐS1C và Quốc lộ 1D.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng mặt bằng phát sinh khoảng 12526,81 m³ (khoảng 200 m³ xà bần và 12.326,81 m³ đất bốc phong hóa). Thành phần chủ yếu là thực bì, đất, đá,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 27,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 44 kg trong suốt quá trình thi công, xây dựng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác: không

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động dung tích 400 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để thoát nước nhanh, tránh hiện tượng rửa trôi, lôi cuốn vật liệu, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng mặt bằng: được lưu chứa tại các bãi chứa tạm và tận dụng để san lấp mặt bằng khu vực thi công và tận dụng đắp bờ mương tạm và mái taluy khu vực trồng cây xanh, không vận chuyển đổ thải ra ngoài Dự án.

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy

hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Thời gian thi công trong ngày từ 07h00 đến 11h00 và từ 13h30 đến 17h00; không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 – 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng.

- Gia cố tuyến mương thoát nước mưa dọc phía Đông đường ĐS1B và phía Bắc Đại lộ Khoa học (từ cống hộp phía hạ lưu cầu Dốc Mít đến cống bản có kích thước 3mx6m trên đường Đại lộ Khoa học) với chiều dài khoảng 752,31 m.

- Xây dựng các tuyến cống tròn có đường kính D800mm - D1000mm để thu nước mưa mặt đường cho các tuyến đường ĐS1C và Đại lộ Khoa học.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:

+ 01 điểm tại khu vực hạ lưu cầu Dốc Mít (Tọa độ: 1.517.689; 603.208).

+ 01 điểm tại nút giao Đại Lộ Khoa Học với tuyến đường ĐS1C (Tọa độ: 1.517.026; 603.605).

- Thông số quan trắc: hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Quản lý chất thải rắn

Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực thực hiện Dự án; khắc phục các sự cố tai nạn lao động do hoạt động thi công gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.